

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-NCS-HĐQT ngày 12/11/2012 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, đồng thời với mục tiêu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Quy chế ban hành năm 2012 của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày .../6/2021 và thay thế cho Quy chế hiện hành.

Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu.



Ngô Hồng Minh

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN THEO ĐIỀU LỆ MẪU BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;		Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;	
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;		Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;	
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần...		Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;	
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...		Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng 6 năm 2021;	
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...		Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;	
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần... bao gồm các nội dung sau:		Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài bao gồm các nội dung sau:	
Chương I		Chương I	
QUY ĐỊNH CHUNG		QUY ĐỊNH CHUNG	
	Điều 3. Giải thích từ ngữ		Điều 1. Giải thích từ ngữ
	1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:		1. Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
	a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;		a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
	b. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty;		b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
	c. “Cán bộ quản lý của Công ty” có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;		c) “Quy chế này” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
	d. “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;		d) “Đại hội đồng Cổ đông” là tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
	e. “Điều lệ Công ty” có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;		e) “Hội đồng Quản trị” là Hội đồng Quản trị của Công ty.
	2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty.		f) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát của Công ty.
			g) “Tổng Giám đốc” là Tổng Giám đốc của Công ty.

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
		2. Các từ ngữ khác trong Quy chế này được giải thích, định nghĩa tại Điều lệ Công ty, các văn bản Pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty thì có nghĩa như trong các văn bản đó.	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài được ban hành nhằm cụ thể chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.	
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.	2. Quy chế được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn Công ty nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.	2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.	
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	Điều 2 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”. Các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị quản lý Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp đại diện cho Công ty trong các giao dịch kinh doanh và đàm phán hợp đồng kinh tế (trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh quản lý điều hành Công ty).	2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
Chương II	CHƯƠNG II	Chương II	
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 3 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cùng các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. 2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Công ty và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và của cổ đông. 3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty. 4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. 5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị phù hợp. 6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu. 7. Có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình nhưng không được sử dụng làm phương hại đến lợi ích Công ty. 8. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về các hoạt động của mình. 9. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. 10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. 	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</p>		<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:</p>	
<p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;</p>		<p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;</p>	<p>Điều 29 điều lệ CTCP</p>
<p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p>		<p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p>	<p>Điều 30 Điều lệ CTCP</p>
<p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p>		<p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p>	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;		d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	
đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.		đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.	
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.			Áp dụng với công ty có thành viên HĐQT độc lập
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị		Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.		1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cá nhân, đơn vị thuộc Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.	
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.		2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.	
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
<p>1. Hội đồng quản trị có [...] thành viên] (từ 03 đến 11 thành viên). Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị gồm 5 (năm) thành viên. Hội đồng quản trị gồm 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó Chủ tịch và các thành viên. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. 3. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. 4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 5. Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu ra một Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ.</p>	<p>Khoản 1, khoản 3 Điều 26 Điều lệ CTCP.</p>
<p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>		<p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	
<p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p>		<p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.</p>	
<p>4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>			
<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 6 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	
<p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của hơn 2 (hai) tổ chức sản xuất kinh doanh khác; thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh trong Công ty;</p>	<p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p>	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;	2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết về pháp luật;	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;	
c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;	c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	
d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;	4. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.	d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;	
đ) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].		đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:		2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Không áp dụng do công ty hoạt động theo mô hình tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật DN
a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;		a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;	
b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;		b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;	
c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;		c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;	
d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;		d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;	
đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;		đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;	
e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].		e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.		3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	Không áp dụng do công ty hoạt động theo mô hình tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật DN
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị		Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 7 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.		1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 1 Điều 29 điều lệ CTCP
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).		2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.	Khoản 3 điều 29 điều lệ CTCP
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:		3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	
a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;		a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;	
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;		b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	
c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;		c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	
d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;		d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	
đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;		đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	
e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].		e) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>		<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	Khoản 4, khoản 5 Điều 29 Điều lệ CTCP
<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>		<p>5. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	
<p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p>		<p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p>	
<p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p>		<p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p>	
<p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p>		<p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p>	
<p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p>		<p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p>	
<p>đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].</p>		<p>đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 8 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt; c. Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; d. Thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức bằng văn bản; e. Thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Hội đồng quản trị cho phép. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị quyết nghị vị trí của thành viên Hội đồng quản trị đã bỏ trống; f. Thành viên Hội đồng quản trị bị cách chức theo nghị quyết của Đại hội cổ đông; g. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.	a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;	Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật DN
b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;		b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	
c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.		c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.	2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	
a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;		a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	
b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.		b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	3. Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực và hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	

<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>4. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng được bầu đầu nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	
<p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	<p>5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.</p>	<p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	
<p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p>	<p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>		<p>Áp dụng với công ty có thành viên HĐQT độc lập</p>
<p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>		<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>		<p>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 9 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p>		<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử 02 ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p>	<p>quy định thống nhất với Điều lệ CTCP</p>
<p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p>		<p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>		<p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	

<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>		<p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>3. [Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>		<p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	
<p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>		<p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>	
<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>		<p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 10 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p>		<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p>	
<p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>		<p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	
<p>b) Trình độ chuyên môn;</p>		<p>b) Trình độ chuyên môn;</p>	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
c) Quá trình công tác;		c) Quá trình công tác;	
d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);		d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);	
đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;		đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;	
e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;		e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;	
g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).		g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	Áp dụng với công ty đại chúng
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.		2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	
Chương III		Chương III	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông,	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty thực thi các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Viết theo Điều 27 Điều lệ CTCP
a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	
b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;	b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	
c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	2. Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;	c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	
d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;	3. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;	4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, cử đi công tác, học tập đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và cấp trưởng các phòng, ban, trung tâm hoặc cấp tương đương trực thuộc Công ty, cử người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;	đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;	
e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	5. Quyết định cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;	e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	
g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	6. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ đó;	g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	
h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	7. Đề xuất và thực hiện sau khi được thông qua Đại hội đồng cổ đông phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	
i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	8. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán chuyên đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
k) Giám sát, chi đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;	9. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, cử đi công tác, học tập đối với Tổng Giám đốc khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có);	k) Giám sát, chi đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;	
l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	10. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;	l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	
m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	11. Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc Công ty con của Công ty;	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	12. Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức;	n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	
o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	13. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;	o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	
p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;	14. Chỉ định và bãi nhiệm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;	
q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	15. Quyết định vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	
r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	16. Quyết định phương án và dự án đầu tư trừ những phương án và dự án do Đại hội cổ đông phê duyệt;	r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	
	17. Phê duyệt phương án định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;		
	18. Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần đã bán theo từng loại;		
	19. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;		
	20. Chuẩn bị các nội dung và tài liệu có liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;		
	21. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;		
	22. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về:		
	a. Hoạt động của Hội đồng quản trị;		
	b. Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm tài chính;		
	c. Báo cáo tài chính hằng năm và tình hình hoạt động của Công ty.		

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
	23. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nội dung ủy quyền phải cụ thể và có thời gian nhất định.		
	24. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị;		
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	25. Các vấn đề khác mà Hội đồng quản trị thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.	3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	Xem Khoản 13 và 15 Điều 30 Điều lệ CTCP
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu thảo luận phục vụ cuộc họp, triệu tập và làm Chủ tọa các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. c. Tổ chức thực hiện thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác. d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị, lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty. e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông. f. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét theo quy định; g. Được quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký ban hành các văn bản quy phạm quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; h. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và cấp trưởng các phòng, ban, trung tâm hoặc cấp tương đương trực thuộc Công ty;	4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch		Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	Điều 12 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:		1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:	
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;		- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;	
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;		- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;	
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.		- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.		2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường		Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 13 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:		1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	Viết theo Khoản 3 Điều 14 Điều lệ CTCP
a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;		a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	
b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;		b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;		c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	
d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;		d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	
đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;		2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;	Tham chiếu số ngày phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 4 điều 14 Điều lệ CTCP
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:		3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:	
a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;		a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;	
b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;		b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	
c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;		c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;	
d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;		d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;	
đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;		đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;	
e) Xác định thời gian và địa điểm họp;		e) Xác định thời gian và địa điểm họp;	
g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;		g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;	
h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.		h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.		Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	Điều 14 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.		1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Điều 31 Điều lệ CTCP Công ty quy định các tiểu ban
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.		2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
Chương IV	CHƯƠNG VI	Chương IV	
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHẾ ĐỘ HỌP VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 12. Họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 15 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	1. Trường họp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 1 Điều 30 Điều lệ CTCP
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất một quý một lần. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Khoản 2 Điều 30 Điều lệ CTCP

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	3. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thông báo ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề cần Hội đồng quản trị thông qua, biểu quyết tại cuộc. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm cũng phải bảo đảm gửi đến được các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Tài liệu họp do Thư ký Công ty và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chuẩn bị.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Viết theo Khoản 3 Điều 30 Điều lệ CTCP
a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị chính thức bằng một văn bản:	a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	
b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;	a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý từ cấp trưởng phòng trở lên;	b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;	
c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;	b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;	c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;	
d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].	c. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;	d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].	
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	d. Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số các thành viên trong Ban Kiểm soát.	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 30 Điều lệ CTCP
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	5. Hội đồng Quản trị phải tiến hành họp bất thường trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp bằng văn bản. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề xuất tổ chức họp bất thường như quy định tại khoản 4 Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 5 Điều 30 Điều lệ CTCP
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	6. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	Viết giống quy chế mẫu

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	7. Địa điểm họp: Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết và được Hội đồng quản trị nhất trí.	Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	8. Số thành viên tham dự tối thiểu:	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 8 Điều 30 Điều lệ CTCP
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	a. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế được ủy quyền hợp pháp theo pháp luật;	Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản a Mục này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Khoản 9 Điều 30 Điều lệ CTCP
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị phải gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	
a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	10. Mời họp dự thính: Hội đồng quản trị có thể mời Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba dự họp Hội đồng quản trị. Những người được mời tham gia không có quyền biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như các thành viên Hội đồng quản trị.	a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	
b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;	11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;	
c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	a. Nghe các thành viên Hội đồng quản trị khác phát biểu trong cuộc họp; và	c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	
d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	b. Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự họp một cách đồng thời.	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].	Các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp nhiều phương tiện thông tin khác. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.	đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.	
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.		10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.		11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.		12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 17 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	Khoản 6 Điều 30 Điều lệ CTCP
a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;	a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
b) Thời gian, địa điểm họp;	b. Mục đích, chương trình và nội dung cuộc họp;	b) Thời gian, địa điểm họp;	
c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;	c. Thời gian, địa điểm họp;	c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;	
d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;	d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;	d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;	
đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;	e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp;	đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;	
e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;	f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;	e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	
h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	h. Các quyết định đã được thông qua;	h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	
i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.	i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp;	i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.	
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính xác thực và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại, phản đối liên quan đến nội dung Biên bản đó trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi biên bản.	3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	
	3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		Khoản 16 Điều 30 Điều lệ CTCP
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.		5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	
Chương V		Chương V	
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH		BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm		Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	Điều 18 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:		1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:	
a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;		a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;	
b) Báo cáo tài chính;		b) Báo cáo tài chính;	
c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;		c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.		d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.	
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.		2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.		3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 11. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị	Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 19 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên Hội đồng quản trị.	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Khoản 1 Điều 28 Điều lệ CTCP
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao trả cho mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Khoản 2 Điều 28 Điều lệ CTCP
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Khoản 3 Điều 28 Điều lệ CTCP

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].		4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].	Khoản 4 Điều 28 Điều lệ CTCP
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.		5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	Khoản 5 Điều 28 Điều lệ CTCP
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.		6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Khoản 6 Điều 28 Điều lệ CTCP
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan		Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	Điều 20 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:		Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:	
1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:		1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:	
a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;		a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	
b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.		b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.	

<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>		<p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>	
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>		<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	
<p>Chương VI</p>		<p>Chương VI</p>	
<p>MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>		<p>MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 21 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p>	<p>1. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p>	<p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p>	
<p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</p>	<p>2. Trong quá trình xử lý công việc được phân công, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần xin ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền, hoặc tổ chức họp, hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>	<p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</p>	
<p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	
<p>Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành</p>	<p>Điều 19. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty</p>	<p>Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành</p>	<p>Điều 22 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
<p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời Phó Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý trong Công ty có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến.</p> <p>3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty phải báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.</p> <p>4. Chế độ báo cáo Hội đồng quản trị</p> <p>a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Công ty lập báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty báo cáo Hội đồng quản trị.</p> <p>- Báo cáo định kỳ:</p> <p>+ Báo cáo dự toán ngân sách hoạt động sản xuất năm tiếp theo trước ngày 15 tháng 11 của năm đang thực hiện.</p> <p>+ Báo cáo quý: đến ngày 25 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.</p> <p>+ Báo cáo năm: đến ngày 20 tháng 2 năm sau năm báo cáo, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cùng xem xét.</p> <p>- Các báo cáo đột xuất:</p>	<p>Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và các cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Công ty thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p>	

<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012</p>	<p style="text-align: center;">Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán</p>	<p>Điều 20, Mọi quan hệ với Ban kiểm soát 1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. 3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. 4. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 23 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116</p>
<p>1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p>		<p>1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p>	
<p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p>		<p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p>	

Quy chế hoạt động của HĐQT mẫu (Ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 23/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 12/11/2012	Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty [Dự thảo]	Ghi chú
	<p>Điều 21. Mọi quan hệ công tác khác</p> <p>1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các báo cáo của Công ty trước khi gửi cơ quan quản lý Nhà nước, tùy theo mức độ báo cáo, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm gửi sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua.</p> <p>2. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước địa phương: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quan hệ và tiếp xúc, các báo cáo phải gửi theo yêu cầu, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo trong khuôn khổ quy định tại Điều lệ và Quy chế báo cáo của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>3. Đối với các cổ đông: Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của cổ đông.</p> <p>4. Những cuộc họp quan trọng (do cơ quan bên ngoài mời) có liên quan đến cơ chế tổ chức, chính sách, phương hướng phát triển trung và dài hạn hoặc xử lý những vấn đề lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự họp hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc.</p>		
Chương VII	CHƯƠNG VIII	Chương VII	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 24. Hiệu lực thi hành	Điều 22. Hiệu lực thi hành	Điều 24. Hiệu lực thi hành	Điều 24 Quy chế HĐQT mẫu theo TT116
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...bao gồm [...chương], [... điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...	1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/QĐ-Công ty-HĐQT ngày 16/9/2008 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cơ quan, đơn vị trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành.	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 6 năm 2021.	
	2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới pháp luật có liên quan khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.		